

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2020/TLST-KDTM ngày 04/5/2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP CT**; trụ sở: Số M, TH, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đức T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Dương Thị Hải Y** – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP CT chi nhánh ĐA.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Trần Thị Thu H** – Trưởng phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP CT chi nhánh Đ.

- *Bị đơn:* Ông **Ngô Văn H1**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khu R, thôn TL, xã TL1, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1977.

2. Anh **Ngô Văn P**, sinh năm 1997.

3. Anh **Ngô Văn B**, sinh năm 1999.

Cùng nơi cư trú: Khu R, thôn TL, xã TL1, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh P, anh B: Ông **Ngô Văn H1** (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020).

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về số tiền nợ:* Theo hợp đồng cho vay hạn mức số 294/2018/HĐCVHM/NHCT144 ngày 17/7/2018; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 294/2018-HĐCV-SDDBS/NHCT144-NVH ngày 24/9/2018, các giấy nhận nợ ngày 21/3/2019, ngày 29/5/2019, ngày 31/5/2019, ngày 11/7/2019, ngày 15/7/2019: Tính đến ngày 05/7/2020 ông Ngô Văn H1 còn nợ Ngân hàng TMCP CT tổng số tiền 1.892.874.722 (Một tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi hai) đồng; trong đó:

+ Nợ gốc: 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 145.400.207 (Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn, hai trăm linh bảy) đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 47.434.515 (Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm mười lăm) đồng.

2.2. *Về phương thức trả nợ:* Hạn cuối là ngày 30/9/2020, ông Ngô Văn H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP CT toàn bộ số tiền 1.892.874.722 (Một tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi hai) đồng và lãi phát sinh trên nợ gốc 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 294/2018/HĐCVHM/NHCT144 ngày 17/7/2018; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 294/2018-HĐCV-SDDBS/NHCT144-NVH ngày 24/9/2018, các giấy nhận nợ ngày 21/3/2019, ngày 29/5/2019, ngày 31/5/2019, ngày 11/7/2019, ngày 15/7/2019 kể từ ngày 06/7/2020 đến khi trả hết nợ theo lộ trình sau:

Ngày 31/7/2020 ông H1 phải trả ít nhất 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Ngày 31/8/2020 ông H1 phải trả ít nhất 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Hạn cuối là ngày 30/9/2020, H1 phải tắt toán toàn bộ khoản nợ.

Toàn bộ số tiền ông H1 trả cho ngân hàng sẽ được thu vào nợ gốc. Sau khi hết gốc ngân hàng mới được thu vào tiền lãi.

2.3. Trường hợp ông Ngô Văn H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, thì Ngân hàng TMCP CT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 58; tờ bản đồ số 48 Khu R, thôn TL, xã TL1, huyện ĐA, thành phố Hà Nội được cấp GCNQSD đất số AD554047, vào sổ cấp GCNQSD đất số 1225/QĐ-UB/230/2006 do UBND huyện ĐA cấp cho hộ gia đình ông Ngô Văn H1.

2.4 Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 68.786.000 (Sáu mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 34.393.000 (Ba mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn) đồng. Ông Ngô Văn H1 phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 34.393.000 (Ba mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng TMCP CT số tiền 31.833.000 (Ba mươi một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016080 ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyền